TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - hạnh phúc**

Bản án số: 01/2018/KDTM-PT
Ngày 11/01/2018
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đắc Dũng

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Thị Luận và Ông Nguyễn Anh Văn

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh: Ông Lê Đình Sang - Kiểm sát viên tham gia phiên toà.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 03/2017/TLPT-KDTM ngày 03 tháng 10 năm 2017 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 01/2017/KDTM-ST ngày 21 tháng 7 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 04/2017/QĐPT- KDTM ngày17 tháng 11 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Quỹ tín dụng nhân dân xã S

Trụ sở: Xã S, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Bùi Thị H - Giám đốc (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1962 - Phó giám đốc (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Sỹ T1, sinh năm 1970 và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1985

Nơi cư trú: thôn Á , xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

(Hiện không có mặt nơi cư trú)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1992 (Vắng mặt)
Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Sỹ Th, sinh năm 1946 (Có mặt)

Đều địa chỉ: thôn Á , xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

- Ông Nguyễn Sỹ Th, sinh năm 1946 (Có mặt)
- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1948 (Có mặt)

Đều địa chỉ: thôn Á , xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

- Bà Biện Thị D, sinh năm 1971 (Có đề nghị xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: khu B, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Người kháng cáo: Quỹ tín dụng nhân dân xã S và ông Nguyễn Sỹ Th (đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Kh).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì nội dung vụ án như sau: Ngày 10/02/2012 Quỹ tín dụng nhân dân xã S (sau đây gọi tắt là Quỹ tín dụng S), phòng giao dịch số I Đ đã ký với ông Nguyễn Sỹ T1 và bà Phạm Thị Đ hợp đồng tín dụng số 28/HĐTD với nội dung Quỹ tín dụng S cho ông Nguyễn Sỹ T1 và bà Phạm Thị Đ vay số tiền là 150.000.000đ, mục đích vay để kinh doanh, thời hạn vay là 06 tháng, lãi suất 1,8%/tháng, lãi suất nợ quá hạn là 2,7%/tháng; phương thức thanh toán trả lãi hàng tháng, nợ gốc thanh toán khi hết thời hạn của hợp đồng là ngày 10/8/2012.

Để đảm bảo cho khoản vay, ông Nguyễn Sỹ T1 và bà Phạm Thị Đ đã ký kết hợp đồng thế chấp là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 132^{a} tờ bản đồ số 26 tại thôn Á, xã Đại Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh có diện tích $348m^{2}$ - đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Sỹ T1 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng số S925170 do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Bắc

Ninh cấp ngày 13/08/2002 cùng tài sản gắn liền trên đất, trị giá 300.000.000đ, theo hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC ngày 08/3/2011.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Nguyễn Sỹ T1 và bà Phạm Thị Đ đã không thực hiện đúng cam kết như hợp đồng tín dụng đã ký kết, đến hạn thanh toán ông T1 và bà Đ không thanh toán được nợ vay cho Quỹ tín dụng S theo hợp đồng. Quỹ tín dụng S đã nhiều lần làm việc và đôn đốc ông T1 và bà Đ trả nợ nhưng sau đó ông T1 và bà Đ đã bỏ nhà đi khỏi địa phương không rõ địa chỉ nên ngày 03/12/2012, Quỹ tín dụng S đã có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành buộc ông T1 và bà Đ phải trả cho Quỹ tín dụng S số tiền (cả gốc và lãi suất tính đến ngày 21/7/2017) là 393.867.000đ, trong đó nợ gốc là 150.000.000đ, nợ lãi là 192.000đ, nợ lãi quá hạn là 243.675.000đ. Nếu ông T1 và bà Đ không thực hiện được việc trả nợ thì Quỹ tín dụng S đề nghị Tòa án xử lý tài sản bảo đảm là giá trị quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 132^{a} tờ bản đồ số 26 tại thôn Á, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh có diện tích 348m^{2} , trị giá 300.000.000đ.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, chị Nguyễn Thị Kh trình bày:

Chị là con gái ông Nguyễn Sỹ T1 và bà Biện Thị D, do bố mẹ chị có mâu thuẫn nên đã ly hôn và chị ở cùng bố. Sau đó, bố chị đã kết hôn cùng cô Phạm Thị Đ. Chị được biết là bố chị có vay vốn tại Quỹ tín dụng S và thế chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất số 132^{a} tờ bản đồ số 26 tại thôn Á, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Ninh có diện tích 348m^{2} mang tên hộ ông Nguyễn Sỹ T1. Khi làm thủ tục thế chấp thì bố chị không nói gì cho chị biết do thời điểm đó chị đang đi học đại học ở Hà Nội. Nay Quỹ tín dụng S có đơn khởi kiện và có liên quan đến quyền sử dụng đất của hộ gia đình chị. Chị không có ý kiến gì về việc liên quan đến hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất mà bố chị đã ký kết mà do bố chị quyết định. Nay do bố chị đang gặp khó khăn về kinh tế nên chưa có khả năng thanh toán và hiện tại bố chị cùng cô Đ cũng không có mặt tại địa phương, đã bỏ nhà đi đâu chị không biết. Chị được biết là ông nội chị là Nguyễn Sỹ Th có thiện chí muốn trả khoản nợ vay này giúp bố chị và cô Đ nên đề nghị Tòa án và Quỹ tín dụng S tạo điều kiện để ông Th trả nợ giúp bố chị cùng cô Đ đồng thời trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình chị.

Ông Nguyễn Sỹ Th và bà Nguyễn Thị B trình bày: Ông bà là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Sỹ T1, được biết là vợ chồng anh T1 và chị Đ có vay vốn của Quỹ tín dụng S để kinh doanh và thế chấp quyền sử dụng đất mang tên hộ anh T1 để vay 150.000.000đ. Về nguồn gốc thửa đất mà vợ chồng anh T1 thế chấp là do ông bà mua từ trước và đến năm 2002 thì ông bà chia tách cho các con và cho anh T1 297m^2, anh T1 đã làm đầy đủ các thủ tục theo quy định của pháp luật, anh T1 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Nguyễn Sỹ T1, tại thời điểm đó thì hộ anh T1 có 4 khẩu gồm: anh Nguyễn Sỹ T1, vợ anh là chị Biện Thị D, sinh năm 1971, và 02 con là cháu Nguyễn Thị Kh, sinh năm 1992, cháu Nguyễn Khánh L, sinh năm 1997. Đến năm 2008 thì anh T1 và chị D ly hôn và anh T1 là người trực tiếp nuôi cả hai con chung và quản lý sử dụng nhà đất đó. Năm 2009, thì anh T1 kết hôn với chị Phạm Thị Đ và sinh được 03 con chung. Năm 2012, vì làm ăn thua lỗ nên vợ chồng anh T1 chị Đ bỏ đi, tuy ông bà không được anh T1, chị Đ ủy quyền hay giao cho quản lý khối tài sản của anh T1, chị Đ nhưng ông bà là người chăm sóc nuôi dưỡng các cháu và là bố mẹ đẻ của anh T1 nên ông bà đã trực tiếp quản lý tài sản là nhà và đất tại thửa đất số 132^a tờ bản đồ số 26 tại thôn Á, xã Đ của vợ chồng anh T1. Trong thời gian quản lý và sử dụng thì ông bà không xây dựng hay tu tạo gì thêm đối với khối tài sản trên.

Nay do vợ chồng anh T1 không có mặt ở nhà, Quỹ tín dụng có khởi kiện đòi vợ chồng anh T1 phải trả toàn bộ số tiền vay là 150.000.000đ tiền gốc và tiền lãi theo Hợp đồng tín dụng mà vợ chồng anh T1 chị Đ đã ký, ông bà và cháu Kh xin trả thay số tiền gốc vay cho anh T1, chị Đ còn tiền lãi thì đề nghị Quỹ tín dụng giảm cho gia đình ông bà vì ông bà đang gặp khó khăn, nên xin trả lãi theo thông báo ngày 26/3/2016 của Quỹ tín dụng nhân dân xã S với lãi suất là 9%/năm.

Với nội dung trên tại bản án sơ thẩm số 01/2017/KDTM-ST ngày 21/7/2017 của Toà án nhân dân huyện Thuận Thành đã xử:

Căn cứ các Điều 30, 35, 144, 147, 189, 195, 227, 235 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 134, 137, 142, 411 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín

dụng; điểm c khoản 2 Điều 24 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Nghị quyết số 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005 sửa đổi bổ sung một số điều Quyết định 1627; Nghị định 181/2004/NĐ-CP, ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch đảm bảo; Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-BTP-BTNMT, ngày 16/6/2005 của Bộ tư pháp, Bộ Tài nguyên và môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Thông tư liên tịch số 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của TANDTC-VKSNDTC, BTP, BTC; Công văn số 43/1999/KHXX, ngày 24/5/1999 của Tòa án nhân dân tối cao về tính lãi suất đối với các khoản tiền vay của Ngân hàng và các tổ chức tín dụng; Pháp lệnh số 10/2009/PL/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân xã S:

1. Buộc anh Nguyễn Sỹ T1 và chị Phạm Thị Đ phải thanh toán trả Quỹ tín dụng nhân dân xã S, phòng giao dịch số I Đ, tổng số tiền 393.867.000đ, trong đó nợ gốc: 150.000.000đ, nợ lãi: 192.000đ, lãi quá hạn: 243.675.000đ và số tiền lãi phát sinh tính trên nợ gốc tính từ ngày 22/7/2017 cho đến ngày trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký số: 28/HĐTD ngày 10/02/2012 giữa Quỹ tín dụng nhân dân xã S, phòng giao dịch số I Đ với anh Nguyễn Sỹ T1 và chị Phạm Thi Đ.

2. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/HĐTC ngày 08/3/2011 giữa anh Nguyễn Sỹ T1 và chị Phạm Thị Đ với Quỹ tín dụng nhân dân xã S, phòng giao dịch số I Đ vô hiệu. Quỹ tín dụng nhân dân xã S, phòng giao dịch số I Đ phải trả lại cho anh Nguyễn Sỹ T1 và chị Phạm Thị Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S925170 do UBND huyện Thuận Thành cấp ngày 13/8/2002 hiện đang quản lý theo các hợp đồng thế chấp.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về phần án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 01/8/2017, ông Nguyễn Sỹ Th là đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Kh có đơn kháng cáo về phần lãi suất của bản án sơ thẩm.

Ngày 04/8/2017, Quỹ tín dụng nhân dân xã S kháng cáo về phần tuyên vô hiệu hợp đồng thế chấp số 01/HĐTC ngày 08/3/2011 giữa anh T1, chị Đ với Quỹ tín dụng nhân dân xã S của bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị T là người đại diện theo ủy quyền của Quỹ tín dụng S vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo cho rằng hợp đồng thế chấp tài sản ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân S với anh T1, chị Đ là đúng quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Sỹ Th là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Kh giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, cho rằng phần lãi suất Quỹ tín dụng nhân dân S áp dụng là quá cao, đề nghị Tòa án xem xét phần lãi suất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn, bị đơn đều đảm bảo thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của Quỹ tín dụng nhân dân xã S và ông Nguyễn Sỹ Th là người đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Kh, xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Đơn kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan kháng cáo Bản án sơ thẩm trong thời hạn luật định và các đương sự đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, do vậy kháng cáo của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là hợp lệ.

[2] Theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/HĐTC ngày 08/3/2011 giữa ông Nguyễn Sỹ T1 và bà Phạm Thị Đ với Quỹ tín dụng nhân dân xã S, phòng giao dịch số I Đ thì tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S925170 do Ủy ban nhân dân huyện Thuận Thành cấp ngày 13/8/2002 số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất 03914, thửa đất số 132^a tờ bản đồ số 26 địa chỉ thửa đất tại Á, Đa, T, Bắc Ninh diện tích 348m^2 trị giá 200.000.000đ và tài sản gắn liền với đất là nhà ở cấp 3 diện tích 210m^2 trị giá 100.000.000đ.

Theo Biên bản lấy lời khai của ông Nguyễn Sỹ Th và bà Nguyễn Thị B ngày 12/5/2017 (Bút lục số 216) thì về nguồn gốc thửa đất: *Ông Th và bà B mua. Đến năm 2002 làm thủ tục chia tách cho các con và cho anh T1 297m^2, anh T1 đã làm thủ tục và được cấp giấy chứng nhận mang tên hộ ông Nguyễn Sỹ T1; tại thời điểm đó hộ anh T1gồm 4 khẩu: anh T1, chị D (vợ cũ của anh T1), cháu Kh (1992), cháu L (1997). Khi ly hôn năm 2008, anh T1 nuôi 02 con và trực tiếp quản lý sử dụng đất.*

Xem xét Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S925170 cùng biên bản xác minh ngày 03/12/2013 với cán bộ địa chính xã và trưởng thôn Á (Bút lục 50) thì thấy đất được cấp cho hộ ông Nguyễn Sỹ T1 vào thời điểm năm 2002 có diện tích sử dụng là 297m^2 do gia đình tự kê khai. Đến cuối năm 2002 diện tích đất này được đo đạc lại theo bản đồ địa chính chính quy thì đất hộ ông T1 có diện tích là 348m^2 và được sửa đổi vào ngày 20/2/2004.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành thu thập hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại Phòng tài nguyên môi trường và tại Ủy ban nhân dân huyện T, để xác định ai là thành viên hộ gia đình ông T1 vào thời điểm cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và đưa họ tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Tuy nhiên năm 2008, ông T1 và bà D ly hôn, Tòa án đã thu thập bản án ly hôn của ông T1 và bà D nhưng không làm rõ bà D và ông T1 thỏa thuận chia tài sản chung như thế nào để xem xét quyền lợi của bà D đối với thửa đất và tài sản trên đất mà ông T1, bà Đ đã thế chấp tại Quỹ tín dụng nhân dân xã S và không đưa bà D vào tham gia với tư cách người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là thiếu sót. Tòa án cấp phúc thẩm khắc phục đã tiến hành lấy lời khai của bà Biện Thị D thì bà D không có bất cứ yêu cầu gì và tự nguyện từ bỏ mọi quyền lợi liên quan đến tài sản chung của hai vợ chồng. Đồng thời, bà D không yêu cầu Tòa án phải giải quyết sơ thẩm lại và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xét xử vắng mặt bà. Tuy nhiên sau đó bà D lại có yêu cầu Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật. Qua xem xét quyết định của Tòa cấp sơ thẩm đã tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/HĐTC ngày 08/3/2011 giữa ông Nguyễn Sỹ T1 và bà Phạm Thị Đ với Quỹ tín dụng nhân dân xã S, phòng giao dịch số I Đ vô hiệu như vậy quyết định của Tòa cấp sơ thẩm đã không ảnh hưởng đến quyền lợi của chị D và các con của chị (Kh và L). Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm cần nghiêm túc rút kinh nghiệm về thiếu sót trong quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm đã không đưa đầy đủ những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tham gia tố tụng trong vụ án.

Ngày 08/3/2011, ông T1, bà Đ kí kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/HĐTC với Quỹ tín dụng S để đảm bảo khoản tiền vay 150.000.000đ nhưng không có sự thống nhất của các thành viên còn lại trong hộ gia đình là chị Kh làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chị Kh. Do đó cần tuyên bố vô hiệu Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/HĐTC ngày 08/3/2011. Hợp đồng thế chấp vô hiệu đều có lỗi của Quỹ tín dụng S và ông T1, bà Đ. Cụ thể: khi nhận thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên giấy chứng nhận

quyền sử dụng đất ghi rõ cấp cho "*hộ gia đình*". Trong trường hợp này phía Quỹ tín dụng phải nhận thức được rằng nếu là tài sản chung của "*hộ gia đình*" thì cần xác định rõ trong hộ có bao nhiêu thành viên để thực hiện việc ký thế chấp theo đúng theo quy định của pháp luật. Đối với ông T1, bà Đ cũng có lỗi trong việc thế chấp tài sản vì biết rõ đất là tài sản chung của hộ gia đình trước khi ký hợp đồng thế chấp cho Quỹ tín dụng nhưng ông T1 không cung cấp thông tin liên quan đến các thành viên còn lại trong hộ gia đình, đã đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thế chấp tại Quỹ tín dụng. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của Quỹ tín dụng nhân dân xã S.

Hợp đồng thế chấp vô hiệu, các bên trả lại cho nhau những gì đã nhận: Quỹ tín dụng có nghĩa vụ trả lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất cho anh T1, chị Đ. Tuy vậy, dù hợp đồng thế chấp vô hiệu nhưng hợp đồng tín dụng giữa anh T1, chị Đ với Quỹ tín dụng S vẫn có hiệu lực và trở thành Hợp đồng tín dụng không có tài sản bảo đảm.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Sỹ Th - đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Kh cho rằng Quỹ tín dụng áp dụng mức lãi suất quá cao, đề nghị áp dụng mức lãi suất 9%/năm thì thấy:

Tại Công văn hướng dẫn Số 44/CV-TDHT thực hiện "Quy chế cho vay của tổ chức tín dụng đối với khách hàng" ban hành kèm theo Quyết định số 1627/2001/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của thống đốc Ngân hàng nhà nước đối với các quỹ tín dụng nhân dân cơ sở ngày 18/2/2003 tại điểm a, điểm b Điều 10 về Lãi suất cho vay quy định:

a) Lãi suất cho vay do Quỹ tín dụng và khách hàng thoả thuận trên cơ sở mức lãi suất do Hội đồng quản trị Quỹ tín dụng quy định phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng;

b) Mức lãi suất áp dụng đối với khoản nợ gốc quá hạn do Quỹ tín dụng ấn định và thoả thuận với khách hàng trong hợp đồng tín dụng, nhưng không vượt quá 150% lãi suất cho vay áp dụng trong thời hạn cho vay đã được ký kết hoặc điều chỉnh trong hợp đồng tín dụng;

và điểm b Điều 12 quy định *"b) Khi đến kỳ hạn trả nợ gốc hoặc lãi, nếu khách hàng không trả nợ đúng hạn và không được điều chỉnh kỳ hạn nợ gốc hoặc lãi, hoặc không được gia hạn nợ gốc hoặc lãi, thì Quỹ tín dụng chuyển nợ quá hạn theo quy định và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước về chuyển nợ quá hạn;"*

Đối chiếu với những quy định của pháp luật xét thấy khi ký kết hợp đồng giữa Quỹ tín dụng và ông T1, bà Đ tự nguyện thỏa thuận nội dung hợp đồng và mức lãi suất, đây là hợp đồng cho vay có thời hạn, có lãi suất và việc thỏa thuận không trái với quy định pháp luật nên không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Nguyễn Sỹ Th là đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Kh.

Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên Quỹ tín dụng nhân dân S và chị Nguyễn Thị Kh (do ông Nguyễn Sỹ Th là đại diện theo ủy quyền) phải chịu án phí phúc thẩm.

Trong vụ án này cấp sơ thẩm còn thiếu sót cần nghiêm túc rút kinh nghiệm đó là thông báo đương sự nộp thiếu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm vụ án kinh doanh thương mại. Lưu ý số tiền đối với người kháng cáo hiện nay theo Nghị quyết số 326/2016/UBTV/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án là 2.000.000đ. Tòa cấp sơ thẩm chỉ cho các đương sự nộp tạm ứng kháng cáo 300.000đ như đối với vụ án dân sự là không chính xác.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTV/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Quỹ tín dụng nhân dân xã S và ông Nguyễn Sỹ Th (là đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Kh), giữ nguyên bản án sơ thẩm xử.

Căn cứ các Điều 134, 137, 142, 411 Bộ luật dân sự 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; điểm c khoản 2 Điều 24 Quy chế cho vay của các tổ chức tín dụng đối với khách hàng ban hành theo Nghị quyết số 1627/2011/QĐ-NHNN ngày 31/12/2001 của Thống đốc ngân hàng Nhà nước Việt Nam và Quyết định số 127/2005/QĐ-NHNN ngày 03/2/2005 sửa đổi bổ sung một số điều Quyết định 1627; Nghị định 181/2004/NĐ-CP, ngày 29/10/2004 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2003; Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ quy định về giao dịch đảm bảo; Thông tư liên tịch số 05/2005/TTLT-BTP-BTNMT, ngày 16/6/2005 của Bộ tư pháp, Bộ Tài nguyên và môi trường hướng dẫn việc đăng ký thế chấp, bảo lãnh bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; Thông tư liên tịch số 01/TTLT, ngày 19/6/1997 của TANDTC-VKSNDTC, BTP, BTC; Công văn số 43/1999/KHXX, ngày 24/5/1999 của Tòa án nhân dân tối cao về tính lãi suất đối với các khoản tiền vay của Ngân hàng và các tổ chức tín dụng; Pháp lệnh số 10/2009/PL/UBTVQH12, ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân xã S:

1. Buộc ông Nguyễn Sỹ T1 và bà Phạm Thị Đ phải thanh toán trả Quỹ tín dụng nhân dân xã S, phòng giao dịch số I Đ, tổng số tiền 393.867.000đ, trong đó nợ gốc: 150.000.000đ, nợ lãi: 192.000đ, lãi quá hạn: 243.675.000đ và số tiền lãi phát sinh tính trên nợ gốc tính từ ngày 22/7/2017 cho đến ngày trả hết nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký số: 28/HĐTD ngày 10/02/2012 giữa Quỹ tín dụng nhân dân xã S, phòng giao dịch số I Đ với ông Nguyễn Sỹ T1 và bà Phạm Thị Đ.

2. Tuyên bố hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 01/HĐTC ngày 08/3/2011 giữa ông Nguyễn Sỹ T1 và bà Phạm Thị Đ với Quỹ tín dụng nhân dân xã S, phòng giao dịch số I Đ vô hiệu. Quỹ tín dụng nhân dân xã S, phòng giao dịch số I Đ phải trả lại cho ông Nguyễn Sỹ T1và bà Phạm Thị Đ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số S925170 do UBND huyện Thuận Thành cấp ngày 13/8/2002 hiện đang quản lý theo các hợp đồng thế chấp.

Về án phí:

Ông Nguyễn Sỹ T1 và bà Phạm Thị Đ phải chịu 19.693.300đ tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Kh (do ông Nguyễn Sỹ Th là đại diện theo ủy quyền) phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí phúc thẩm. Xác nhận ông Nguyễn Sỹ Th đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ tại Biên lai số AA/2012/01068 ngày 01/8/2017. Chị Nguyễn Thị Kh còn phải nộp 1.700.000đ tiền án phí phúc thẩm.

Quỹ tín dụng nhân dân xã S phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí phúc thẩm. Xác nhận Quỹ tín dụng nhân dân xã S đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm 300.000đ tại Biên lai số AA/2012/01073 ngày 04/8/2017. Quỹ tín dụng nhân dân xã S còn phải nộp 1.700.000đ tiền án phí phúc thẩm.

Trả lại Quỹ tín dụng nhân dân xã S số tiền 3.750.000đ đã nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm theo biên lai thu số 00058 ngày 07/12/2012 tại Chi cục thi hành án huyện Thuận Thành.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 , 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án kinh doanh thương mại phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Thuận Thành;
- Chi cục THADS huyện Thuận Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Đắc Dũng